

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HUNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 66/2026/DS-PT  
Ngày: 07-4-2026  
"V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phương  
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền  
Ông Trương Quang Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông Hà - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nhất - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02/4/2026 đến 07/4/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2026/TLPT-DS ngày 06/01/2026 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Hưng Yên có kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 43/2026/QĐ-PT ngày 25/02/2026, đối với các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị L**, sinh năm 1958. Địa chỉ: Thôn C, xã B, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

Bị đơn:

Anh **Lê Việt H**, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

Anh **Lê Văn H1**, sinh năm 1981. Địa chỉ: Khu đô thị H đường L, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án.

Anh **Lê Quang Đ**, sinh năm 1984. Địa chỉ: Chung cư T, quận H, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Lê Đình T**, sinh năm 1960; bà **Vũ Thị Thu H2**, sinh năm 1974. Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

Cụ **Lê Thị M**, sinh năm 1939. Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Ngô Thị L trình bày:*

Bà và ông Lê Hồng C đăng ký kết hôn hợp pháp vào năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống tại nhiều nơi, đến khoảng năm 2016 thì về sinh sống tại thửa đất số 166, tờ bản đồ số 01 do ông Lê Đình T (em ruột ông C) đứng tên.

Theo bà L, trước khi về sinh sống, giữa ông C và ông T có sự thỏa thuận về việc đổi quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 142 (do ông C đứng tên) và thửa đất số 166 (do ông T đứng tên), mặc dù không lập thành văn bản nhưng các bên đã thực tế thực hiện việc đổi đất, cụ thể ông T xây dựng nhà ở kiên cố trên thửa đất số 142, còn vợ chồng bà chuyển về sinh sống, quản lý, sử dụng nhà ở trên thửa đất số 166 từ năm 2016 đến khi ông C chết.

Trong quá trình chung sống, bà cho rằng vợ chồng bà đã bỏ ra nhiều công sức, chi phí để sửa chữa, cải tạo nhà ở và mua sắm tài sản phục vụ sinh hoạt tại thửa đất số 166, tổng giá trị lớn. Ngoài ra, bà còn giao tiền cho ông T để thực hiện việc đổi nhà, sửa chữa và thanh toán một số chi phí liên quan. Việc đầu tư, sửa chữa, tạo lập tài sản này theo bà là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Đến năm 2019, ông Lê Hồng C chết, không để lại di chúc. Sau khi ông C chết, giữa bà và các con riêng của ông C phát sinh mâu thuẫn liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản, đặc biệt là quyền sử dụng thửa đất số 142. Bà cho rằng các con ông C và ông T không thừa nhận quyền lợi của bà, không cho bà tiếp tục quản lý, sử dụng tài sản, đồng thời có hành vi yêu cầu bà rời khỏi nơi ở.

Bà cũng trình bày việc ông C trước đây có chuyển nhượng một phần diện tích đất (khoảng 40m<sup>2</sup>) cho cụ Lê Thị M, tuy nhiên bà không trực tiếp tham gia giao dịch và đề nghị Tòa án xem xét toàn diện để bảo đảm quyền lợi hợp pháp của bà trong khối di sản.

Từ các nội dung trên, bà Ngô Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án:

Xác định di sản thừa kế của ông Lê Hồng C để lại là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 142, tờ bản đồ số 01, diện tích 321m<sup>2</sup> (sau khi trừ phần diện tích đã chuyển nhượng hợp pháp nếu có);

Chia di sản thừa kế của ông Lê Hồng C theo quy định của pháp luật, bà là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất nên được hưởng phần di sản tương ứng;

Đề nghị được nhận phần di sản bằng hiện vật (đất) để ổn định chỗ ở và cuộc sống; trường hợp không thể chia bằng hiện vật thì yêu cầu được thanh toán giá trị tương ứng với phần di sản được hưởng;

Yêu cầu Tòa án xem xét, xác định các tài sản đã được vợ chồng bà tạo lập, sửa chữa, đầu tư trong thời kỳ hôn nhân tại thửa đất số 166 là tài sản chung của vợ chồng để được phân chia theo quy định pháp luật;

Yêu cầu bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của bà trong việc quản lý, sử dụng tài sản và di sản thừa kế, không bị các đồng thừa kế khác cản trở trái pháp luật.

*Ý kiến, yêu cầu của bị đơn*

Bị đơn anh Lê Việt H trình bày:

Anh là con đẻ của ông Lê Hồng C và bà Nguyễn Thị X (đã chết). Sau khi bà X chết năm 2006, ông C kết hôn với bà Ngô Thị L vào năm 2012.

Đối với thửa đất số 142, tờ bản đồ số 01, diện tích 321m<sup>2</sup> đứng tên ông C, anh xác định đây là tài sản do bố mẹ anh tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, là tài sản chung của ông C và bà X. Sau khi bà X chết, phần tài sản của bà X chưa được chia thừa kế.

Anh thống nhất với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông C theo pháp luật; tuy nhiên, đề nghị Tòa án phải xác định rõ nguồn gốc tài sản là tài sản chung của ông C và bà X để làm căn cứ chia thừa kế đúng quy định.

Đối với việc bà L cho rằng có thỏa thuận đổi đất giữa ông C và ông T, anh không đồng ý, cho rằng việc đổi đất không có căn cứ pháp lý, không được cơ quan có thẩm quyền công nhận, nên không có giá trị pháp lý.

Đối với tài sản trên thửa đất số 166, anh cho rằng toàn bộ tài sản, công trình và đồ dùng sinh hoạt chủ yếu do anh em anh tạo lập, đóng góp; bà L không có đóng góp đáng kể nên không đồng ý việc xác định đây là tài sản chung của bà L và ông C.

Về phương án chia di sản, anh đề nghị: Chia di sản thừa kế theo pháp luật; giao quyền sử dụng thửa đất số 142 cho anh và các đồng thừa kế là anh Lê Văn H1, anh Lê Quang Đ quản lý, sử dụng; anh và các đồng thừa kế có trách nhiệm thanh toán cho bà Ngô Thị L giá trị phần di sản mà bà được hưởng theo quy định.

Bị đơn anh Lê Văn H1 và anh Lê Quang Đ có quan điểm thống nhất với ý kiến trình bày của anh Lê Việt H, không có yêu cầu độc lập.

*Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Đình T và bà Vũ Thị Thu H2 trình bày:*

Ông T là em ruột của ông Lê Hồng C. Năm 2017, giữa ông T và ông C có thỏa thuận miệng về việc đổi quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 142 và thửa đất số 166; theo đó, ông T tiến hành xây dựng nhà ở kiên cố trên thửa đất số 142, còn ông C và bà L về sinh sống tại thửa đất số 166.

Tuy nhiên, việc đổi đất này không được lập thành văn bản và không thực hiện thủ tục pháp lý theo quy định. Nay các bên phát sinh tranh chấp và không thống nhất việc tiếp tục thực hiện thỏa thuận nên ông T thống nhất:

Trả lại quyền sử dụng thửa đất số 142 cho các con ông C; đề nghị được thanh toán giá trị tài sản, công trình mà gia đình ông đã đầu tư, xây dựng trên đất.

Đối với việc phân chia di sản thừa kế, ông T không có yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của các bên.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Lê Thị M trình bày:*

Khoảng năm 2013, cụ có nhận chuyển nhượng của ông Lê Hồng C diện tích khoảng 40m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 142, có lập giấy tờ viết tay và đã giao nhận tiền. Sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình cụ đã xây dựng tường bao, sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp.

Do đó, cụ đề nghị Tòa án: Công nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ và ông Lê Hồng C đối với diện tích 40m<sup>2</sup>; Bảo đảm quyền sử dụng hợp pháp của gia đình cụ đối với diện tích đất này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật, gồm: xác minh tại địa phương về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất; thu thập hồ sơ địa chính; lấy lời khai của các đương sự và người liên quan; tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc hiện trạng và định giá tài sản tranh chấp.

Kết quả xác minh thể hiện: thửa đất số 142, tờ bản đồ số 01, diện tích 321m<sup>2</sup>, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/8/1997 đứng tên ông Lê Hồng C; đây là tài sản được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Lê Hồng C và bà Nguyễn Thị X. Sau khi bà X chết năm 2006, phần tài sản của bà chưa được phân chia. Ông C chết năm 2019, không để lại di chúc.

Các tài liệu xác minh tại UBND xã T thể hiện: ông Lê Hồng C có hai lần kết hôn; với bà Nguyễn Thị X có 03 người con là các anh Lê Việt H, Lê Văn H1, Lê Quang Đ; với bà Ngô Thị L không có con chung; ngoài ra không có người thừa kế nào khác.

Về quá trình sử dụng đất, thể hiện từ năm 2017, ông Lê Đình T (em ruột ông C) đã xây dựng nhà ở kiên cố trên thửa đất số 142 và sử dụng ổn định; việc thỏa thuận đổi đất giữa ông C và ông T chỉ bằng lời nói, không có tài liệu, chứng cứ thể hiện việc chuyển quyền theo quy định pháp luật.

Theo biên bản đo đạc, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 26/3/2025: thửa đất số 142 có diện tích 321m<sup>2</sup>; giá trị quyền sử dụng đất được xác định theo giá đất tại địa phương; trên đất có công trình nhà ở 03 tầng và mái tôn do gia đình ông T xây dựng, có giá trị còn lại theo kết quả định giá.

Đối với thửa đất số 166, tờ bản đồ số 01, diện tích 216m<sup>2</sup> do ông Lê Đình T đứng tên, trên đất có nhà ở và tài sản gắn liền với đất; các đương sự có ý kiến khác nhau về việc có hay không tài sản chung giữa bà Ngô Thị L và ông Lê Hồng C, tuy nhiên nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc tạo lập tài sản chung.

Đối với diện tích khoảng 40m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 142 mà cụ Lê Thị M đang sử dụng, tài liệu trong hồ sơ thể hiện ông Lê Hồng C đã chuyển nhượng cho cụ M từ năm 2013, có giấy viết tay và đã giao nhận, sử dụng ổn định, không tranh chấp.

*Kết quả giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm*

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Hưng Yên đã quyết định: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị L về việc chia di sản thừa kế của ông Lê Hồng C theo pháp luật.

Xác định di sản thừa kế của ông Lê Hồng C là quyền sử dụng đất diện tích 160,625m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 142, tờ bản đồ số 01, tổng diện tích 321m<sup>2</sup>, sau khi trừ phần diện tích 40m<sup>2</sup> đã chuyển nhượng cho cụ Lê Thị M.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Hồng C gồm: bà Ngô Thị L, các anh Lê Việt H, Lê Văn H1 và Lê Quang Đ.

Về phương thức chia di sản, Tòa án cấp sơ thẩm giao cho các anh Lê Việt H, Lê Văn H1 và Lê Quang Đ được sử dụng toàn bộ thửa đất số 142 bằng hiện vật; buộc các anh H, H1, Đ có nghĩa vụ thanh toán cho bà Ngô Thị L giá trị phần di sản bà được hưởng là 65.856.250 đồng, mỗi người phải thanh toán 21.952.100 đồng.

Công nhận việc ông Lê Hồng C chuyển nhượng 40m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 142 cho cụ Lê Thị M và xác định cụ M được quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất này.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị L về việc chia tài sản trên thửa đất số 166, tờ bản đồ số 01, diện tích 216m<sup>2</sup> do ông Lê Đình T đứng tên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/12/2025, nguyên đơn bà Ngô Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Hưng Yên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết để buộc bị đơn phải trả số tiền cho bà (mức đề nghị) là 300.000.000 đồng hoặc trả bằng hiện vật là đất.

Các bị đơn là các anh Lê Việt H, Lê Văn H1, Lê Quang Đ không chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị L, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Anh Lê Văn H1 đại diện các bị đơn đồng ý trả cho bà L tối đa là 100.000.000 đồng, vượt số tiền mà cấp sơ thẩm đã tuyên.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu: về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đề nghị tính thêm tiền công sức duy trì tài sản cho bà L.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Ngô Thị L, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng và phạm vi xét xử phúc thẩm

Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Ngô Thị L được nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, việc triệu tập, tham gia tố tụng của các đương sự và việc xét xử vắng mặt được thực hiện đúng quy định của pháp luật; không có vi phạm tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[2] Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn

Nguyên đơn bà Ngô Thị L kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm, cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng; việc xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá và phân chia tài sản không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Xét nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản đã được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục và có thông báo hợp lệ cho các đương sự. Việc bà L không tham gia là do ý chí của bà, không làm phát sinh vi phạm tố tụng của Tòa án.

Tại phiên tòa, bà L đã được bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị L về việc Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng.

[3] Về xác định di sản thừa kế và người thừa kế

Hội đồng xét xử thấy rằng: Thửa đất số 142, tờ bản đồ số 01 có nguồn gốc do ông Lê Hồng C và bà Nguyễn Thị X tạo lập trong thời kỳ hôn nhân nên được xác định là tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Sau khi bà Nguyễn Thị X chết năm 2006, phần tài sản thuộc quyền sở hữu của bà X (trung ứng 1/2 giá trị quyền sử dụng đất) trở thành di sản thừa kế nhưng chưa được chia. Đến khi ông Lê Hồng C chết năm 2019, không để lại di chúc, phần tài sản thuộc quyền của ông C trong khối tài sản chung (1/2 giá trị quyền sử dụng đất) và phần ông C được hưởng từ di sản của bà X tiếp tục là di sản thừa kế để chia theo quy định pháp luật.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả xác minh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định phần di sản của ông Lê Hồng C là 160,625m<sup>2</sup> đất (sau khi trừ diện tích đã chuyển nhượng hợp pháp cho cụ Lê Thị M) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 612, 651 Bộ luật Dân sự.

Các đương sự thống nhất về quan hệ nhân thân và không có tài liệu, chứng cứ thể hiện còn người thừa kế nào khác, nên xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Hồng C gồm: bà Ngô Thị L, các ông Lê Việt H, Lê Văn H1, Lê Quang Đ.

Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản thừa kế và người thừa kế để chia theo pháp luật là có căn cứ.

#### [4] Về phương thức chia di sản và giá trị thanh toán

Di sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 142 hiện do các bị đơn quản lý, sử dụng ổn định; trên đất có công trình xây dựng kiên cố. Việc chia di sản bằng hiện vật không bảo đảm điều kiện tách thửa theo quy định của pháp luật đất đai, làm thay đổi hiện trạng sử dụng tài sản, ảnh hưởng đến giá trị sử dụng và gây khó khăn cho việc tổ chức thi hành án. Do đó, giao toàn bộ quyền sử dụng đất cho các bị đơn tiếp tục quản lý, sử dụng và thanh toán giá trị kỹ phần thừa kế cho nguyên đơn là phù hợp quy định tại Điều 660 Bộ luật Dân sự.

Kết quả định giá tài sản đã được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự không có yêu cầu định giá lại và không có căn cứ xác định việc định giá vi phạm pháp luật, nên được sử dụng làm căn cứ giải quyết vụ án.

Tuy nhiên, trong trường hợp những người thừa kế nhận toàn bộ di sản là quyền sử dụng đất, việc xác định giá trị thanh toán không chỉ căn cứ vào kết quả định giá mà còn phải xem xét công sức đóng góp, thực tế quản lý, sử dụng tài sản và nguyên tắc bảo đảm công bằng giữa các đồng thừa kế, phù hợp với quy định tại Điều 660 Bộ luật Dân sự.

Xét thấy, nguyên đơn là người trực tiếp cùng với ông Lê Hồng C sinh sống trên thửa đất trong thời kỳ hôn nhân, có quá trình quản lý, sử dụng ổn định, liên tục; đồng thời là người trực tiếp chăm sóc người để lại di sản trong thời gian ốm đau, qua đó thực hiện việc duy trì, bảo quản tài sản, bảo đảm việc sử dụng đất được ổn định, liên tục. Công sức này gắn liền với việc duy trì, bảo quản và ổn định giá trị của di sản, chưa được phản ánh trong kết quả định giá và việc xác định giá trị kỹ phần thừa kế tại cấp sơ thẩm.

Mặt khác, các bị đơn là những người nhận toàn bộ quyền sử dụng đất và được hưởng toàn bộ lợi ích từ việc tiếp tục quản lý, sử dụng di sản, nên cần bảo đảm sự cân bằng về quyền lợi giữa các đồng thừa kế khi xác định nghĩa vụ thanh toán.

Trên cơ sở đánh giá toàn diện các yếu tố nêu trên, căn cứ tính chất, mức độ đóng góp và thời gian quản lý, sử dụng tài sản của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định giá trị công sức của nguyên đơn tương ứng khoảng 60% giá trị kỹ phần thừa kế được hưởng, tương đương 40.000.000 đồng, là phù hợp.

Do đó, tổng giá trị thanh toán kỹ phần thừa kế của nguyên đơn được xác định là: 65.856.250 đồng + 40.000.000 đồng = 105.856.250 đồng. Làm tròn: 106.000.000 đồng.

Đối với tài sản gắn liền với đất do ông Lê Đình T và gia đình tạo lập: đây không phải là di sản thừa kế của ông Lê Hồng C; các đương sự không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không đặt ra xem xét. Quan hệ pháp luật liên quan đến tài sản nêu trên là quan hệ độc lập; quyền, nghĩa vụ của ông Lê Đình T đối với tài sản do mình tạo lập không bị ảnh hưởng bởi việc giải quyết vụ án này và được bảo lưu quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm về giá trị thanh toán kỹ phần thừa kế.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm

Do kháng cáo của nguyên đơn bà Ngô Thị L được chấp nhận một phần nên bà không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà Ngô Thị L là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các Điều 611, 612, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điểm b khoản 1 Điều 308; Điều 309; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về nội dung

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Ngô Thị L. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Hưng Yên về giá trị thanh toán kỹ phần thừa kế.

2. Về nội dung cụ thể

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L về việc chia di sản thừa kế của ông Lê Hồng C theo pháp luật.

2.2. Xác định di sản thừa kế của ông Lê Hồng C là 160,625m<sup>2</sup> đất ở thuộc thửa đất số 142, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa số 185, tờ bản đồ số 61), diện tích 321m<sup>2</sup>, tại Tổ dân phố T, xã T, tỉnh Hưng Yên, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 771 ngày 20/8/1997 đứng tên ông Lê Hồng C.

2.3. Những người được hưởng thừa kế gồm: Bà Ngô Thị L; các ông Lê Việt H, Lê Văn H1, Lê Quang Đ.

2.4. Về phân chia di sản:

Giao cho các ông Lê Việt H, Lê Văn H1, Lê Quang Đ được quyền sử dụng chung thửa đất nêu trên (phần diện tích còn lại sau khi trừ phần chuyển nhượng cho cụ Lê Thị M), đồng thời được sử dụng lối đi hiện trạng theo sơ đồ kèm theo bản án.

Buộc các ông Lê Việt H, Lê Văn H1, Lê Quang Đ có nghĩa vụ thanh toán giá trị kỹ phần thừa kế cho bà Ngô Thị L tương ứng với 40,156m<sup>2</sup> đất, tổng số tiền 106.000.000 đồng, mỗi người phải thanh toán 35.333.000 đồng.

2.5. Công nhận việc chuyển nhượng 40m<sup>2</sup> đất giữa ông Lê Hồng C và cụ Lê Thị M; cụ M được quyền sử dụng diện tích này và các bên liên quan có trách nhiệm thực hiện thủ tục đăng ký theo quy định của pháp luật.

2.6. Không chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị L về việc chia tài sản trên thửa đất số 166.

2.7. Đối với tài sản gắn liền với đất do ông Lê Đình T và gia đình tạo lập trên thửa đất nêu trên: Các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên không đặt ra xem xét. Trường hợp phát sinh tranh chấp liên quan đến tài sản, các bên có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng: Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ngô Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

5. Về hiệu lực thi hành: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Hiền**  
**Tú**

**Trương Quang**

**Nguyễn Duy Phương**

## **SƠ ĐỒ PHÂN CHIA ĐẤT**

*Kèm theo Bản án 66/2026/DS-PT ngày 07/4/2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên*

### **Ghi chú**

- Diện tích ký hiệu S1 thuộc quyền sử dụng của bà M
- Diện tích ký hiệu S2 thuộc quyền sử dụng của các bị đơn.